TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B,** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 60/2020/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
==========

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 78/ 2020/ TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị Cẩm T** - sinh năm: 1997
Nơi cư trú: Số 275, đường D8, khu phố 1, phường P, TP. T, tỉnh B.
2. Anh **Lê Đình H** - sinh năm: 1985
Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ việc dân sự, chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đình Htrình bày:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đình đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh T vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Hùng ham chơi, không lo làm, chưa thực hiện đủ trách nhiệm với vợ con. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, hai bên cùng thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đình H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Lê Nguyễn Bảo A (nữ) sinh ngày 14/ 9/ 2016. Hai bên thỏa thuận chị T là người trực tiếp nuôi con chung và anh Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh chị đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn cho anh chị.

Việc thỏa thuận về việc nuôi con giữa những người yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đình H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Bảo A(nữ) sinh ngày 14/ 9/ 2016 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đình H mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Hai bên thống nhất chuyển số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà anh H đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2017/0006304 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần lệ phí cho anh chị. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đươngsự;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B
- UBND phường Đ- B (Đk: năm 2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tống Thị Hà